

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiên;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX - ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐXX - ST ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện C, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2021, bản tự khai đề ngày 08/7/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh D ở thôn T, xã M và có thuê trọ ở ngoài để đi làm. Anh chị chung sống hạnh phúc được năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không tu chí làm ăn, hay chơi bời, cờ bạc, đánh chửi vợ con. Thời điểm chị và anh D thuê nhà ở xã Song An, huyện Vũ Thư để đi làm, anh D đánh đập, hành hạ chị và còn nhốt chị trong phòng. Chị phải nhờ người thân lén đưa đồ ăn cho chị qua khe cửa. Chị đã cố gắng nín nhịn để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh D không thay đổi. Từ ngày 29/8/2019, chị đã đưa cả hai con chung của chị và anh D về nhà bố mẹ đẻ ở xã Văn Võ, huyện C, TP Hà Nội sinh sống. Chị và anh D sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Khi chị gửi đơn xin ly hôn anh D tại Tòa án chị D đã thông báo cho anh D biết nhưng anh D không về làm thủ tục ly hôn với chị.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/9/2006 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 07/11/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cả hai con đang ở cùng chị và gia đình chị. Chị làm công nhân, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng. Bố mẹ chị đều còn khỏe mạnh và hỗ trợ chị có chỗ ở ổn định, lâu dài. Chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa, anh D không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của anh D đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh D cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy, anh D không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại Đơn đề nghị đề ngày 22/7/2021 giao nộp cho Tòa án, ông Đỗ Văn Kh (là bố đẻ của chị Đỗ Thị H) trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị H và anh Dũng, ông Kh trình bày như chị H đã khai tại Tòa án. Trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn và từ ngày 29/8/2019, chị H đã đưa cả hai con về nhà ông ở xã V, huyện C, Thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay. Chị H hiện vẫn đi làm công nhân tại công ty S ở xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Thu nhập của chị H khoảng 8 triệu đồng/tháng. Ông đề nghị Tòa án giao cả hai con chung của chị H và anh D cho chị H nuôi dưỡng. Gia đình ông cam kết sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị H có nơi ăn, chốn ở lâu dài.

4. Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Đoàn Thị Q (mẹ đẻ anh D) thể hiện: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị H và anh D, bà Q trình bày như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, chị H và anh D không sinh sống thường xuyên cùng gia đình bà. Giữa chị H và gia đình bà cũng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chị H lại hay nghe lời người ngoài nên không có sự gần gũi với gia đình chồng. Đến ngày 28/7/2019 âm lịch, anh D xin phép vợ chồng bà đưa hai cháu về nhà ông bà ngoại ăn học vì anh D không đảm đương được. Chính anh D là người đưa các cháu về nhà ông bà ngoại. Còn chị H sau khi về gia đình, không liên lạc, hỏi han hay quan tâm gì đến gia đình bà. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh Dũng, bà không có ý kiến gì, tùy chị H quyết định. Bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng vì anh D hiện chưa có đủ điều kiện để nuôi con. Nếu sau này anh D có yêu cầu, đề nghị Tòa án giao cho anh D nuôi con theo nguyện vọng của anh Dũng. Về tài sản: Bà Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D, bà Q trình bày: Hiện anh D đi làm ăn xa nhà, ít khi về gia đình, anh D chỉ liên lạc với bà qua điện thoại. Anh D không thông báo cho bà biết địa chỉ cụ thể của anh D nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh D đều đã gửi về cho anh D theo đúng địa chỉ của anh D (tại gia đình bà). Bà Q cam kết sẽ nhận thay văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh D và thông báo ngay cho anh D sau khi nhận được văn bản của Tòa án.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị H và anh D đúng như chị H trình bày. Sau kết hôn, chị H và anh D không thường xuyên chung sống với nhau tại gia đình anh D nên giữa chị H và gia đình chồng không có sự gần gũi, gắn kết. Giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được cụ thể nguyên nhân là do đâu. Tuy nhiên, đến cuối năm 2019, chị H đã đưa cả hai con rời khỏi gia đình anh D và trước đây có lần anh D đã uống thuốc cỏ để tự tử nhưng may mắn được cứu sống. Nay chị H xin ly hôn anh D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Đề nghị tòa án xem xét giao con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể về tài sản chung và khoản nợ chung của vợ chồng chị H, anh D. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra địa phương còn cung cấp thêm: Anh D hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng anh D có đi về gia đình. Anh D không khai báo tạm vắng tại địa phương. Bố mẹ đẻ anh D hiện đều đã già yếu, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

6. Tòa án đã có công văn gửi Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình đề nghị tra cứu, cung cấp cho Tòa án thông tin xuất nhập cảnh của anh D. Tại công văn trả lời số 273/PA08 ngày 06/7/2021, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình đã trả lời: “Trong hệ thống dữ liệu của Cục Quản lý xuất nhập cảnh không thấy thông tin xuất nhập cảnh của đương sự”.

*** *Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia

đình; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/9/2006 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 07/11/2012. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Quan hệ tài sản: Do chưa có lời trình bày của anh D, chị H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 25/10/2005 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ khoảng cuối năm 2019 đến nay, chị H và anh D sống ly thân nhau, mỗi người một

nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh D đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh D đối với yêu cầu của chị H. Điều này chứng tỏ anh D không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã M và lấy lời khai của đại diện gia đình anh D; xem xét đơn đề nghị của bố đẻ chị H cũng thể hiện: Giữa chị H và anh D có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh D.

[2.2] Quan hệ con chung: Hiện cả hai con chung của chị H và anh D đang ở cùng với chị H và gia đình chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Mặt khác, chị H cũng có công việc và có thu nhập. Anh D không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án. Tại biên bản ghi lời khai của con chung, cả hai cháu Nguyễn Duy M và Nguyễn Trung H đều trình bày hiện các cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại. Các cháu đều đang học tập ổn định và nhận được sự quan tâm của chị H, sự hỗ trợ của ông bà ngoại. Nguyện vọng của các cháu sau khi bố, mẹ ly hôn là xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/9/2006 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 07/11/2012. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do chưa có lời trình bày của anh D, chị H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 04/9/2006 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 07/11/2012. Không đặt ra giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị H, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0000873 ngày 08/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

